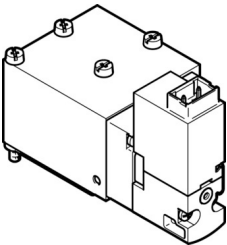


# **Van điện từ** **VOVG-B12-M52Q-AH-F-1H3** Số bộ phận: 560714

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 đơn ổn định                                               |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 25 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 180 l/ph                                                      |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Tấm kết nối                                                   |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...0.8 MPA<br>2 bar...8 bar<br>29 psi...116 psi        |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                                                 |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP40                                                          |
| Chiều rộng định mức                                        | 2.1 mm                                                        |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                          |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Xếp chống                                                  | gối chống dương                                               |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 18 ms                                                         |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 15 ms                                                         |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 1,0 W                                                |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -5 °C...50 °C                                                 |
| Môi chất kiểm soát                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -5 °C...50 °C                                                 |
| Cổng nối điện                                              | 2 chân<br>Phích cắm                                           |

| Đặc tính           | Giá trị            |
|--------------------|--------------------|
| Cổng nối khí nén 1 | Tấm kết nối        |
| Cổng nối khí nén 2 | Tấm kết nối        |
| Cổng nối khí nén 3 | Tấm kết nối        |
| Ghi chú vật liệu   | Tuân thủ RoHS      |
| Vật liệu của phốt  | FPM<br>HNBR<br>NBR |
| Vật liệu vỏ        | Hợp kim nhôm rèn   |